

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-10-2019

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Văn Kiệt

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Lộc

2. Bà Nguyễn Thị Thu Ba

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 319/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1972 (có mặt)

2- Bị đơn: Ông Trần B, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Số 153, đường Trần P, Tổ 9, Khu phố 6, thị trấn ĐĐ, huyện PQ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ kiện chị Phạm Thị Y trình bày:** Năm 1989 chị Y và anh B tự nguyện thương yêu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên vợ chồng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khi sinh đứa con út thì vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn. Lý do, anh B không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi rồi đam mê cờ bạc, phá tán tài sản trong gia đình. Chị Y khuyên bảo anh B sửa đổi thì vợ chồng xay ra mâu thuẫn, xô xát nhau, vì thương các con nên chị Y đã cố chịu đựng nhẫn nhịn anh B để xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng anh B không chịu sửa đổi. Từ năm 2018 đến nay anh B đi đánh

bắt hải sản, có tiền thu được anh B tự giữ và chi tiêu riêng, hết tiền thì bán ghe và giữ tiền tiêu xài không chăm lo cho gia đình. Nay xét thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống không thể kéo dài, nên chị Yên quyết định xin ly hôn với anh B.

Quá trình chung sống chị và anh B sinh được 04 con tên Trần Thị Kim L, sinh năm 1991; Trần Thanh T, sinh năm 1992; Trần Thị N, sinh năm 1994 và Trần Thanh T', sinh năm 1997, các con đã trưởng thành. Vợ chồng có tạo dựng được tài sản chung nhưng vợ chồng đã thỏa thuận với nhau để giải quyết tài sản này. Cam kết vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần B. Nhưng do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng sống chung sinh được 04 người con gồm: Trần Thị Kim L, sinh năm 1991; Trần Thanh T, sinh năm 1992; Trần Thị N, sinh năm 1994 và Trần Thanh T', sinh năm 1997, nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về tài sản, cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24-9-2019 bị đơn anh Trần B trình bày:**
Vào năm 1989 anh B và chị Y tự nguyện thương yêu nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng sinh được 04 con chung là Trần Thị Kim L, sinh năm 1991; Trần Thanh T, sinh năm 1992; Trần Thị N, sinh năm 1994 và Trần Thanh T', sinh năm 1997. Chị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên đồng ý yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận anh B và chị Y là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng sống chung sinh được 04 người con gồm: Trần Thị Kim L, sinh năm 1991; Trần Thanh T, sinh năm 1992; Trần Thị N, sinh năm 1994 và Trần Thanh T', sinh năm 1997, nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về tài sản, cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

*** Phát biểu của Kiểm sát Viên tại phiên tòa như sau:**

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự. Bị đơn anh Trần B có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Phạm Thị Y và anh Trần B là vợ chồng.

Về con, tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu, đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần B có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị Y và anh Trần B thừa nhận từ năm 1989, chị và anh sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới phong tục tập quán. Tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Y xác định, anh B không lo lắng ăn phát triển kinh tế gia đình, chỉ ham chơi rồi cờ bạc, chị Y khuyên bảo thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xô xát lẫn nhau. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh B ngày càng trầm trọng không thể duy trì kéo dài, nếu kéo dài cũng không xây dựng được gia đình hạnh phúc nên chị Y khởi kiện xin được ly hôn với anh B, anh B đồng ý ly hôn với chị Y.

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh B chung sống với nhau năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Y và anh B đều thống nhất ly hôn. Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị Y và anh Trần B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Y và anh Trần B sống chung sinh được 04 người con là Trần Thị Kim L, sinh năm 1991; Trần Thanh T, sinh năm 1992; Trần Thị N, sinh năm 1994 và Trần Thanh T', sinh năm 1997. Các con của chị Y và anh B đã trưởng thành, nên không yêu Tòa án giải quyết, Hội xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Y và anh Trần B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về tài sản và cam kết không nợ ai cũng không ai nợ, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Y chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 147; 228; 266; 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị Y và anh Trần B là vợ chồng.

2. Về con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Y chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc theo biên lai thu số 0006664 ngày 28-8-2019, bà Y đã thực hiện xong. Anh Trần B không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (anh B vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện PQ;
- T.H.A DS huyện PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Văn Kiệt